

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08-6-2023

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

2. Bà Trần Thị Lệ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 80/2023/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1992; Địa chỉ: khu phố H, phường L, thành phố Ba, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Ông Đỗ Hoàn N, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

Ông N đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 – Huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:**

Bà Lê Thị Mỹ N và ông Đỗ Hoàn N chung sống và kết hôn từ năm 2010, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Châu Pha, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Giấy chứng nhận kết hôn số 91/2010 ngày 16/07/2010.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N sử dụng ma túy, đã nhiều lần ông N đi cai nghiện tự nguyện nhưng ông N không bỏ được ma túy. Bà N đã nhiều lần khuyên nhủ ông N từ bỏ ma túy để lo làm ăn, lo cho gia đình, nhưng ông N không làm được. Bà N và ông N đã chấm dứt cuộc sống chung từ cuối năm

2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Hoàn N.

Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ N và ông Đỗ Hoàn N có 02 con chung là Đỗ Thị Quỳnh H, sinh ngày 04/10/2010 và Đỗ Thị Quỳnh A, sinh ngày 12/5/2015. Bà N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc Đỗ Thị Quỳnh A và ông N sẽ nuôi Đỗ Thị Quỳnh H cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà N tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 18/5/2023 bị đơn ông Đỗ Hoàn N trình bày: Ông N hiện đang cai nghiện tại tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 – Huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Ông N xác định ông không mang lại hạnh N cho bà N, vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Vì vậy ông N đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông N xác nhận giữa ông và bà N có 02 con chung là Đỗ Thị Quỳnh H, sinh ngày 04/10/2010 và Đỗ Thị Quỳnh A, sinh ngày 12/5/2015. Ông đồng ý giao con chung là cháu Đỗ Thị Quỳnh A, sinh ngày 12/5/2015 cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Cháu Đỗ Thị Quỳnh H, sinh ngày 04/10/2010 ông N sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không yêu cầu giải quyết.

Ông N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như xác định đúng quan hệ tranh chấp quy định tại Điều 28; thẩm quyền thụ lý vụ án quy định tại các điều 35, 36, 39 và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông N.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà N. Giao con chung là Đỗ Thị Quỳnh A, sinh ngày 12/05/2015 cho bà N và giao con chung là Đỗ Thị Quỳnh H, sinh ngày 04/10/2010 cho ông N chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà N tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc bà N phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bà Lê Thị Mỹ N và ông Đỗ Hoàn N tiến tới hôn nhân chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Bà N và ông N đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Pha, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Giấy chứng nhận kết hôn số 91/2010 ngày 16/07/2010. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông N là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình hoà giải tại Toà, bà N xác định không còn tình cảm với ông N nữa. Cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông N sử dụng ma túy, không lo làm ăn nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Bà N và ông N đã tự sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để vợ chồng bà N, ông N đoàn tụ nhưng bà N không đồng ý, bà N vẫn cương quyết và có nguyện vọng được ly hôn với ông N, bà N không đồng ý đoàn tụ với ông N. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà N, ông N đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà N với ông N.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà N, ông N có 02 con chung là Đỗ Thị Quỳnh H, sinh ngày 04/10/2010 và Đỗ Thị Quỳnh A, sinh ngày 12/05/2015. Bà N có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Quỳnh A và giao cháu Đỗ Thị Quỳnh H cho ông N nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét cháu Đỗ Thị Quỳnh A hiện đang sống cùng với bà N và bà ngoại, nên giao cháu Đỗ Thị Quỳnh A cho bà N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Riêng cháu Đỗ Thị Quỳnh H hiện đang sống cùng với cha và bà nội, hiện cháu đang đi học tại xã Châu Pha thị xã Phú Mỹ nên tiếp tục giao cháu Hoa cho ông N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N, ông N không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ N. Bà Lê Thị Mỹ N được ly hôn với ông Đỗ Hoàn N.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ N và ông Đỗ Hoàn N có 02 con chung là Đỗ Thị Quỳnh H, sinh ngày 04/10/2010 và Đỗ Thị Quỳnh A, sinh ngày 12/05/2015. Giao cháu Đỗ Thị Quỳnh A cho bà Lê Thị Mỹ N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao cháu Đỗ Thị Quỳnh H cho ông N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà N, ông N tự nguyện không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Đỗ Hoàn N, bà Lê Thị Mỹ N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Mỹ N không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Lê Thị Mỹ N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006972 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy bà N đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- NĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Thị Hiền